Vietnam Tariff Intelligence

Detalle del SA 9849.28.13

Código SA	9849.28.13
Descripción	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên: / - - - Trục cam và trục khuỷu dùng cho động cơ xe của Chương 87: / - - - - Loại khác: / - - - - - Cho xe có dung tích xi lanh trên 3.000 cc
Unidad	
Generado	02/11/2026 04:46:56
Versión de datos	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Estado de verificación	Datos arancelarios cotejados con el archivo de origen; recomendaciones/correspondencias orientativas; elegibilidad para el TLC no verificada.
Enlace	https://vietnamtariff.com/hs-code/98492813/

Impuestos aplicables en 2026

Régimen arancelario	Valor de origen	Arancel	Base jurídica	vigente	Fuente
Derecho de importación ordinario	0	0%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19619
Preferencial (NMF)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19619
IVA		Sin datos			
Impuesto especial al consumo		Sin datos			
Impuesto ambiental		Sin datos			
Derecho de exportación		Sin datos			
Arancel de exportación CPTPP		Sin datos			
Arancel de exportación EVFTA		Sin datos			
Arancel de exportación UKVFTA		Sin datos			

Aranceles preferenciales especiales (TLC) – 2026

FTA	Valor de origen	Arancel	Base de datos	Periodo	Prueba de origen	Base jurídica	Estado

AANZFTA		Sin datos	Sin datos		AANZ	121/2022/NĐ-CP	Sin datos
ACFTA		Sin datos	Sin datos		E	118/2022/NĐ-CP	Sin datos
AHKFTA		Sin datos	Sin datos		AHK	123/2022/NĐ-CP	Sin datos
AIFTA		Sin datos	Sin datos		AI	122/2022/NĐ-CP	Sin datos
AJCEP		Sin datos	Sin datos		AJ	120/2022/NĐ-CP	Sin datos
AKFTA		Sin datos	Sin datos		AK	119/2022/NĐ-CP	Sin datos
ATIGA		Sin datos	Sin datos		D	126/2022/NĐ-CP	Sin datos
CPTPP		Sin datos	Sin datos		CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Sin datos
EVFTA		Sin datos	Sin datos		EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Sin datos
RCEP (Anexo A)		Sin datos	Sin datos		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Sin datos
RCEP (Anexo B)		Sin datos	Sin datos		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Sin datos
RCEP (Anexo C)		Sin datos	Sin datos		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Sin datos
RCEP (Anexo D)		Sin datos	Sin datos		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Sin datos
RCEP (Anexo E)		Sin datos	Sin datos		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Sin datos
RCEP (Anexo F)		Sin datos	Sin datos		RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Sin datos
UKVFTA		Sin datos	Sin datos		EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Sin datos
VCFTA		Sin datos	Sin datos		VC	112/2022/NĐ-CP	Sin datos
VJEPA		Sin datos	Sin datos		JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Sin datos
VKFTA		Sin datos	Sin datos		VK	125/2022/NĐ-CP	Sin datos
VN-CAM		Sin datos	Sin datos		S	56/2026/NĐ-CP	Sin datos
VN-EAEU		Sin datos	Sin datos		EAV	113/2022/NĐ-CP	Sin datos
VN-LAO		Sin datos	Sin datos		S	206/2025/NĐ-CP	Sin datos
VNCU		Sin datos	Sin datos		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Sin datos
VIFTA		Sin datos	Sin datos		Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Sin datos

Historial de aranceles / desgravación por año

—

Asesoría y advertencias

Código de riesgo	Nivel	Nombre del riesgo	Descripción	Datos relacionados	Referencia jurídica	Acción recomendada	Estado de verificación
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – similar lines exist	Subheading 9849.28 has 10 lines; 9849.28.13 is distinguished from its siblings by: Cho xe có dung tích xi lanh trên 3.000 cc.	9849.28.11 Cho xe có dung tích xi lanh không quá 2.000 cc; 9849.28.12 Cho xe có dung tích xi lanh trên 2.000 cc đến 3.000 cc; 9849.28.20 Dùng cho động cơ xe của Chương 87; 9849.28.30 Dùng cho động cơ xe của Chương 87; 9849.28.40 Dùng cho xe thuộc Chương 87; 9849.28.50 Bánh đà và ròng rọc, kể cả khối pu li	31/2022/TT-BTC	Verify the distinguishing features; consider an advance classification ruling if uncertain.	No verificado – requiere comprobación
OR-001	YELLOW	Country of origin not provided	FTA eligibility cannot be assessed without the country of origin.			Enter the country of origin to compare preferential schedules.	No verificado – requiere comprobación
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	The source file records no trade remedy for 9849.28.13. This does NOT mean there is no risk.			Check the MOIT Trade Remedies Authority database.	No verificado – requiere comprobación
DQ-001	GREEN	MFN rate present in the source	The MFN rate 0% for 9849.28.13 was checked against BT2026 (cell BT2026!N19619), basis 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Verification scope: matched against source file version 2026.04.05; not a substitute for the legal text.	Cotejado con el archivo arancelario de origen

Este informe es orientativo y se genera a partir de los datos arancelarios de origen y de las reglas de asesoría. No es una resolución aduanera y no confirma la clasificación SA, la elegibilidad para el TLC ni la validez jurídica. El usuario debe verificar con la legislación vigente.